THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 247 THÁNG 1 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 247 tháng 1 năm 2018.

1. Xác định các nhóm nguy cơ gây mất an ninh năng lượng tại Việt Nam/ Nguyễn Trúc Lê, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Đức Lâm// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 2 – 10

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu là xem xét các nhân tố (nguy cơ) gây mất an ninh năng lượng ở Việt Nam. Dựa trên tổng quan tài liệu, nghiên cứu tiến hành đánh giá các nhóm nhân tố gây mất an ninh năng lượng ở Việt Nam, bao gồm nhóm nhân tố xuất phát từ nguồn cung năng lượng (S) và nhóm nhân tố ảnh hưởng từ cầu năng lượng (D). Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát các cán bộ làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên. Dựa trên dữ liệu khảo sát, mô hình cấu trúc mạng được sử dụng để phân tích các nhóm nguy cơ gây mất an ninh năng lượng, thông qua 03 bước: (i) kiểm định độ tin cậy của thang đo; (ii) phân tích nhân tố khám phá (EFA); (iii) phân tích nhân tố khẳng định (CFA).

Từ khóa: An ninh năng lượng; Năng lượng sạch; Mô hình cấu trúc mạng

2. Phân bổ không đúng các nguồn lực trong khu vực chế tác của Việt Nam/ Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Khắc Minh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 11 – 20

Tóm tắt: Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của phân bổ không đúng nguồn lực đến năng suất nhân tố tổng hợp, tập trung vào các doanh nghiệp chế tác Việt Nam dựa trên bộ điều tra doanh nghiệp của Việt Nam và số liệu của Cục quốc gia về nghiên cứu Kinh tế của Mỹ trong giai đoạn 2000- 2012. Chúng tôi áp dụng khung nghiên cứu của Hsieh & Klenow (2009) được hiệu chỉnh theo số liệu của Mỹ để trả lời nguồn lực phân bổ sai ở Việt Nam ở mức độ nào? năng suất cải thiện như thế nào khi không có biến dạng? phát triển khu vực kinh tế nào có mức phân bổ sai thấp ở Việt Nam? Những câu trả lời cho các câu hỏi trên như sau. Thứ nhất, phân bổ không đúng ở Việt Nam có thể so sánh với Trung Quốc và Ấn Độ. Thứ hai, sẽ có những cải thiện đáng kể ở TFP là 24,1% trong trường hợp không có sự biến dạng. Cuối cùng, mức phân bổ không đúng nguồn lực được tìm thấy lớn nhất ở Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và nhỏ nhất ở Bắc Trung Bộ.

Từ khóa: Phân bổ không đúng nguồn lực; Biến dạng đầu ra và vốn; Năng suất nhân tố tổng hợp; Khu vực chế tác

3. Quản trị công, FDI và đầu tư tư nhân ở các nước đang phát triển/ Bùi Quang Việt// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 21 – 32

Tóm tắt: Bài viết xem xét vai trò của quản trị công trong mối quan hệ giữa FDI và đầu tư tư nhân cho bộ dữ liệu bảng cân bằng của 82 nước đang phát triển trong giai đoạn 2000 – 2013 bằng phương pháp ước lượng GMM Arellano-Bond sai phân hai bước. Kết quả ước lượng cho thấy FDI và chất lượng quản trị công thúc đẩy đầu tư tư nhân ở cả ba mẫu nghiên cứu. Trong khi đó, biến tương tác giữa FDI và quản trị công thúc đẩy đầu tư tư nhân ở mẫu nghiên cứu chính và mẫu thu nhập trung bình thấp, nhưng làm giảm đầu tư tư nhân ở mẫu thu nhập trung bình cao. Ngoài ra, các biến như tăng trưởng kinh tế, nguồn thu thuế, độ mở thương mại, và lạm phát là các yếu tố quyết định có ý nghĩa lên đầu tư tư nhân ở các quốc gia này. Các phát hiện này đề xuất một số hàm ý chính sách quan trọng cho chính phủ ở các nước đang phát triển.

Từ khóa: Đầu tư tư nhân; FDI; Ước lượng GMM Arellano-Bond sai phân hai bước; Các nước đang phát triển

4. Tác động của marketing mối quan hệ tới sự hợp tác trong sản xuất kinh doanh: Nghiên cứu thực tế từ các nhà thầu xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh/ Phạm Đức Chính, Nguyễn Hạnh Nguyên Minh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 33 – 42

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm kiểm định tầm quan trọng của Marketing mối quan hệ từ hai yếu tố: sự tin tưởng và sự cam kết trong hợp tác kinh doanh. Mô hình trong nghiên cứu này được kế thừa từ mô hình nghiên cứu của Morgan & Hunt (1994). Hệ số hồi qui của giá trị cam kết mối quan hệ (0,34) và sự tin tưởng (0,41) trong việc cải thiện quan hệ, cam kết kinh doanh giữa các nhà thầu xây dựng. Kết quả nghiên cứu giúp nhà quản trị hiểu rõ hơn các thành phần tác động tới sự tin tưởng và cam kết mối quan hệ là lợi ích vượt trội về dịch vụ, duy trì tiêu chuẩn cao, giảm hành vi cơ hội. Cải thiện Marketing mối quan hệ, giá trị của sự hợp tác, sự tin tưởng và cam kết mối quan hệ giữa các nhà thầu xây dựng và nhà thầu phụ có tầm quan trọng đặc biệt trong kinh doanh, đặc biệt là ngành xây dựng.

Từ khóa: Hành vi cơ hội; Lợi ích; Cam kết; Chi phí chấm dứt mối quan hệ; Marketing mối quan hệ; Sự tin tưởng

5. Nghiên cứu xuất khẩu dệt may của Việt Nam: So sánh với Trung Quốc và Ấn Độ/ Phạm Thùy Linh, Nguyễn Khánh Doanh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 43 – 51

Tóm tắt: Bài viết này so sánh xuất khẩu dệt may của Việt Nam với Trung Quốc và Ấn Độ trong giai đoạn 2000-2015. Các kết quả chính của nghiên cứu được rút ra như sau: Thứ nhất, xét về sản phẩm dệt, so với Trung Quốc và Ấn Độ, Việt Nam có chỉ số lợi thế

so sánh biểu hiện thấp nhất và số lượng sản phẩm có lợi thế so sánh ít nhất. Xét về sản phẩm may, Việt Nam sở hữu nhiều sản phẩm có lợi thế so sánh cao hơn so với hai quốc gia đối thủ. Thứ hai, Việt Nam đang thiên về xuất khẩu sang 3 thị trường là Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc. So với Việt Nam, chính sách thị trường của Trung Quốc đa dạng hơn. Ấn Độ có xu hướng thiên về xuất khẩu sang Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) và không thiên về xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Thứ ba, mức độ tương đồng xuất khẩu về sản phẩm dệt và sản phẩm may giữa Việt Nam và các quốc gia đối thủ không lớn.

Từ khóa: Tương đồng xuất khẩu; Lợi thế so sánh biểu hiện; Dệt may

6. Phân tích ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến mục tiêu kiểm soát ngân hàng thương mại Việt Nam/ Nguyễn Tuấn, Đường Nguyễn Hưng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 52 – 62

Tóm tắt: Mục tiêu nghiên cứu này là phân tích ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ (KSNB) đến mục tiêu kiểm soát các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Cụ thể, phân tích tác động của 5 thành phần kiểm soát nội bộ đến 3 mục tiêu kiểm soát gồm: mục tiêu hữu hiệu, mục tiêu tin cậy, mục tiêu tuân thủ. Đồng thời, xem xét vai trò của môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến các thành phần còn lại của kiểm soát nội bộ. Số liệu nghiên cứu thu thập từ dữ liệu sơ cấp thông qua bảng câu hỏi điều tra. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hệ số Cronbach Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phương pháp mô hình hóa cấu trúc tuyến tính (SEM). Kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối liên hệ tích cực giữa 5 thành phần của kiểm soát nội bộ theo báo cáo COSO và Basel với các mục tiêu kiểm soát tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả cũng cho thấy vai trò của môi trường kiểm soát có ảnh hưởng đến các thành phần khác trong kiểm soát nội bộ.

Từ khóa: Kiểm soát nội bộ; Môi trường kiểm soát; Mục tiêu kiểm soát; Ngân hàng thương mại

7. Kiểm định mô hình đo lường khái niệm lòng yêu nước của người tiêu dùng tại các nước đang phát triển: Nghiên cứu trường hợp Việt Nam/ Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Hoàng Trọng, Đỗ Thị Cúc// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 63 – 72

Tóm tắt: Nghiên cứu này kiểm định mô hình đo lường khái niệm lòng yêu nước của người tiêu dùng tại một nước đang phát triển là Việt Nam, tìm hiểu mối liên hệ giữa lòng yêu nước của người tiêu dùng với tính vị chủng và với đầu óc cởi mở của họ. Phương pháp CFA được dùng để kiểm tra chất lượng đo lường các khái niệm, sau đó SEM để kiểm tra các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy mô hình đo lường khái niệm lòng yêu nước của người tiêu dùng phù hợp với dữ liệu. Lòng yêu nước của người tiêu dùng bị

chi phối tăng bởi lòng yêu nước thuần túy của họ, sau đó đến lượt lòng yêu nước làm gia tăng tính vị chủng của người tiêu dùng Việt Nam. Đầu óc cởi mở cũng được xác nhận quan hệ nghịch chiều với tính vị chủng tiêu dùng.

Từ khóa: Lòng yêu nước thuần túy; Lòng yêu nước của người tiêu dùng; Đầu óc cởi mở; Tính vị chủng tiêu dùng

8. Yếu tố ảnh hưởng đến sự phục hồi về thu nhập của người dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La/ Bùi Thị Minh Hằng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 73 – 80

Tóm tắt: Bài viết này phân tích sự thay đổi về thu nhập và những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phục hồi thu nhập của người dân sau tái định cư thuộc dự án thủy điện Sơn La. Tác giả sử dụng mô hình hồi quy và phương pháp phân tích thành phần với mẫu nghiên cứu gồm 67 hộ dân tại điểm tái định cư xã Mường Lựm. Kết quả nghiên cứu cho thấy các hộ dân gặp khó khăn trong việc phục hồi thu nhập trong cả ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời, có sự khác biệt lớn giữa các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ dân tại hai thời điểm này. Để giúp các hộ dân có thể phục hồi và cải thiện thu nhập trong dài hạn, ngoài các khoản đền bù và trợ cấp để duy trì cuộc sống trong giai đoạn đầu sau tái định cư, các dự án thủy điện cần quan tâm tới việc đảm bảo các điều kiện và nguồn lực sản xuất để các hộ dân có thể thích nghi và phản ứng tốt nhất trước những cơ hội mới trong các giai đoạn tiếp theo của quá trình tái định cư.

Từ khóa: Dự án thủy điện; Phục hồi; Tái định cư; Thích nghi; Thu nhập

9. Mở rộng lý thuyết hành vi dự định để dự báo ý định sử dụng thương mại di động tại Việt Nam/ Nguyễn Hữu Khôi// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 81 – 90

Tóm tắt: Thương mại di động đã và đang trở thành là một hình thức kinh doanh được dự đoán có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến doanh nghiệp. Các nghiên cứu về chấp nhận thương mại di động thường chỉ quan tâm đến các nhân tố thuộc niềm tin và thái độ, trong khi khoa học hành vi và tâm lý học cá nhân cho rằng tính cách cá nhân cũng là những nhân tố quan trọng. Nghiên cứu này sử dụng lý thuyết hành vi dự định làm nền tảng xây dựng mô hình nghiên cứu với sự bổ sung năm biến số tính cách gồm hướng ngoại, dễ chịu, sẵn sàng trải nghiệm, tận tâm, tâm lý bất ổn. Phương pháp phân tích SEM được áp dụng trên mẫu gồm 210 khách hàng dịch vụ di động VNPT Khánh Hòa để kiểm định các thang đo lường và các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy các thang đo lường đều đạt độ tin cậy, đạt độ giá trị và hầu hết các giả thuyết được ủng hộ bởi dữ liệu. Vì vậy, nghiên cứu có những đóng góp quan trọng về mặt học thuật cũng như về mặt thực tiễn.

Từ khóa: Mô hình năm thành phần; Ý định sử dụng; Thương mại di động;ý thuyết hành vi dự định

10. Tác động của thương mại quốc tế đến cầu lao động trong doanh nghiệp ở Việt Nam/ Phạm Ngọc Toàn// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 247 tháng 1/2018 .- Tr. 91 – 100

Tóm tắt: Nghiên cứu này ước lượng ảnh hưởng của thương mại quốc tế đến cầu lao động trong doanh nghiệp thông qua việc sử dụng mô hình phân tích ảnh hưởng thương mại quốc tế đến cầu lao động do Basu & cộng sự (2005) dựa trên Hamermesh (1993) đề xuất. Cụ thể, nghiên cứu xem xét ảnh hưởng của chỉ số thương mại nội ngành và chỉ số định hướng xuất khẩu và thâm nhập nhập khẩu đến cầu lao động trong các doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả ước lượng mô hình tác động cố định với số liệu điều tra doanh nghiệp từ năm 2012 đến 2015 của Tổng cục thống kê cho thấy tồn tại hệ số co giãn cầu lao động theo doanh thu, theo tiền lương. Doanh nghiệp trong các ngành hướng đến thương mại nội ngành thì cầu lao động sẽ tăng mạnh trong dài hạn và tăng nhẹ trong ngắn hạn. Kết quả không tìm thấy bằng chứng về ảnh hưởng của định hướng xuất khẩu đến cầu lao động, nhưng thâm nhập nhập khẩu cao có tác động tích cực đến cầu lao động.

Từ khóa: Định hướng xuất khẩu; Thâm nhập nhập khẩu; Thương mại nội ngành; Cầu lao động

Trung tâm Thông tin Thư viện